

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYÊN
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2023/DS-ST

Ngày: 05-6-2023

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Kim Mến;

Bà Nguyễn Hồng Phụng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

Trong ngày 05 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 73/2023/TLST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng C.

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T - Tổng Giám đốc Ngân hàng C.
Địa chỉ: Số A, Phố L, Phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Thanh N, Chức vụ Phó giám đốc phụ trách Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C (ông N vắng mặt). Địa chỉ: Ấp H xã H Huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- **Bị đơn:** Bà Thạch Thị T1, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tài liệu có trong hồ sơ vụ án: Ngân hàng C có ký với bà Thạch Thị T1 02 hợp đồng vay vốn, cụ thể như sau:

+ Khoản vay thứ nhất: Ngày 10/11/2019, Ngân hàng C xã hội có cho bà Thạch Thị T1 vay chương trình hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn. Số tiền vay là 50.000.000 đồng theo hợp đồng vay vốn số 6600000716499458, lãi suất 0,75%/tháng, thời hạn vay 60 tháng. Phương thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản và phải trả gốc 06 tháng/lần, lãi trả hàng tháng. Đến ngày 15/11/2022, bà Thạch Thị T1 không thực hiện nghĩa vụ trả gốc và lãi khoản vay sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn theo quy định. Số tiền bà Thạch Thị T1 còn nợ tính đến ngày 05 tháng 6 năm 2023 là 62.762.398 đồng. Trong đó số tiền gốc là 50.000.000 đồng, số tiền lãi chưa trả tính đến ngày 05 tháng 6 năm 2023 là 12.762.398 đồng.

+ Khoản vay thứ hai: Ngày 10/05/2020, Ngân hàng C xã hội có cho bà Thạch Thị T1 vay chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, số tiền vay 20.000.000 đồng theo hợp đồng vay vốn số 6600000717576231, lãi suất 0,75%/tháng, thời hạn vay 60 tháng. Phương thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản và phải trả gốc 06 tháng/lần, lãi trả hàng tháng. Đến ngày 15/11/2022, bà Thạch Thị T1 không thực hiện nghĩa vụ trả gốc và lãi khoản vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn. Số tiền bà Thạch Thị T1 còn nợ tính đến ngày 05/6/2023 là 24.834.013 đồng. Trong đó: Số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng, số tiền nợ lãi là 4.834.013 đồng. Ngân hàng C đã yêu cầu bà Thạch Thị T1 thanh toán đủ số tiền gốc và lãi theo hợp đồng nhưng bà Thạch Thị T1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay Ngân hàng C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Thạch Thị T1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ, tổng số tiền của hai hợp đồng là 87.596.411 đồng. Trong đó, số tiền gốc là 70.000.000 đồng, tiền lãi tính đến 05/6/2023 là 17.596.411 đồng và yêu cầu bà T1 trả lãi phát sinh sau ngày 05/6/2023 cho đến khi bà Thạch Thị T1 trả hoàn tất nợ gốc và lãi theo Hợp đồng đã ký.

- Đối với bị đơn bà Thạch Thị T1: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa vắng mặt và không thể hiện ý kiến bằng văn bản cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc xét xử vắng mặt đại diện theo ủy quyền nguyên đơn và bị đơn bà Thạch Thị T1: Xét thấy, đại diện theo ủy quyền nguyên đơn và bị đơn bà Thạch Thị T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai theo quy định nhưng bà T1 vắng mặt, không có lý do. Đại diện nguyên đơn vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đại diện theo ủy quyền nguyên đơn và bị đơn bà Thạch Thị T1.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C về việc trả số tiền vay:

[2.1] Ngân hàng C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Thạch Thị T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C tổng số tiền còn nợ của hai hợp đồng là 87.596.411

đồng. Trong đó, số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng, tiền lãi tính đến 05/6/2023 là 17.596.411 đồng và yêu cầu trả lãi phát sinh sau ngày 05/6/2023 đến ngày trả hoàn tất nợ.

[2.2] Chứng cứ Ngân hàng C đưa ra là sổ vay vốn, sổ lưu và giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn, có chữ ký xác nhận của bà Thạch Thị T1. Bà T1 đã được Toà án cấp tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, hợp lệ theo quy định pháp luật nhưng không có ý kiến phản đối và vắng mặt trong suốt quá trình xét xử vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì lời trình bày của đại diện nguyên đơn và chứng cứ nguyên đơn đưa ra là có căn cứ và nguyên đơn không cần phải chứng minh.

[2.3] Nhận thấy khi thực hiện thỏa thuận vay tài sản, nguyên đơn Ngân hàng C đã thực hiện việc giao đầy đủ số tiền như cam kết cho bị đơn, nhưng bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán số tiền vay cho nguyên đơn khi đến hạn, làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của nguyên đơn, vi phạm hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết, thỏa thuận và vi phạm Điều 95 Luật tổ chức tín dụng. Do đó nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội yêu cầu bị đơn bà T1 thanh toán số tiền nợ gốc còn lại là 70.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[2.4] Về tiền lãi: Đối với số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu là lãi trong hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng giữa nguyên đơn và bị đơn là phù hợp theo quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Số tiền lãi bị đơn phải trả tính đến 05/6/2023 là 17.596.411 đồng và bà T1 phải trả lãi phát sinh sau ngày 05/6/2023 theo lãi suất thỏa thuận trong sổ vay vốn, sổ lưu và giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn cho đến ngày trả hết nợ là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[3.1] Bị đơn bà Thạch Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.379.800 đồng (tương ứng với 5% phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận) theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3.2] Ngân hàng C không phải chịu án phí theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C đối với bị đơn bà Thạch Thị T1.

1. Buộc bị đơn bà Thạch Thị T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội tổng số tiền còn nợ là 87.596.411 đồng (T2 mươi bảy triệu, năm trăm chín mươi sáu nghìn, bốn trăm mười một đồng), trong đó số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng, nợ lãi là 17.596.411 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại sổ vay vốn, sổ lưu và giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Thạch Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.379.800 đồng (Bốn triệu, ba trăm bảy mươi chín nghìn, tám trăm đồng), nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Ngân hàng C không phải chịu án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Về việc thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Đương sự, đại diện DS;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Mỹ Xuyên;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mến